

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 10/01/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Chiến.

Bà Bùi Thị Thiềm.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Thị L, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1983 tại huyện H, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn 1, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị P. Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn T và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Văn Thị Kiều N, sinh năm 1977 – Có mặt.

Trú tại: Số nhà 30 đường L1, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị Kim O, sinh năm 1980 – Vắng mặt.

Trú tại: Số nhà 93 đường H1, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 08/10/2019 Phạm Thị L mượn xe mô tô, biển kiểm soát 47K6 – 5701 của anh Nguyễn Văn T1 đi từ thôn 1, xã B, huyện K đến nhà chị Trịnh Thị T2, ở thị trấn B1, huyện K chơi. Sau đó, L cùng chị T2 và chị Văn Thị Kiều N rủ nhau đi uống cà phê ở số nhà 20 đường N1, thị trấn B1, huyện K. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, chị N rủ L về nhà mình ăn cơm, thì L đồng ý. Khi về đến nhà chị N, trong lúc chờ chị N nấu ăn dưới bếp, L phát hiện trong túi áo khoác của chị N để trên giường có tiền nên nảy sinh ý định trộm cắp. Lợi dụng chị N không để ý, L đã lén lút lục túi áo khoác của chị N lấy số tiền 46.000.000 đồng, rồi đi ra ngoài lấy xe mô tô đi về. Sau khi trộm cắp được số tiền trên, L đã đến tiệm vàng M ở thị trấn B1, do chị Hoàng Thị Kim O làm chủ, mua 01 sợi dây chuyền và 01 đôi bông tai bằng vàng, tổng trị giá 12.870.000 đồng. Sau đó L đem số vàng và số tiền còn lại về nhà cất giấu.

Còn chị N, sau khi phát hiện bị mất tiền nên đã trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, biết sự việc đã bị phát hiện, đến khoảng 12 giờ 30 cùng ngày, Phạm Thị L đã đến Công an huyện K đầu thú và giao nộp toàn bộ tài sản trộm cắp.

Quá trình điều tra, chị Hoàng Thị Kim O là chủ tiệm vàng M đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K số tiền 12.870.000 đồng, là tiền bán vàng cho Phạm Thị L để phục vụ công tác điều tra.

Cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 173 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Phạm Thị L từ 18 đến 24 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng hơn 10 giờ ngày 08/10/2019, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút trộm cắp của chị Văn Thị Kiều N số tiền 46.000.000 đồng tại nhà của chị N ở tổ dân phố 1, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Thị L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người hoàn toàn bình thường về trí lực, buộc phải biết tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng chỉ vì tham lam, tư lợi cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình đã gây ra.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, điều kiện kinh tế gia đình rất khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt. Với nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, là mẹ của bốn con nhỏ, thiết nghĩ không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho người bị hại chị Văn Thị Kiều N số tiền 46.000.000^d (*bốn mươi sáu triệu đồng*); trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Kim O 01 sợi dây

chuyên và 02 chiếc bông tai kim loại bằng vàng, theo các Quyết định xử lý vật chứng số 14 và 15 ngày 20/11/2019.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho người bị hại chị Văn Thị Kiều N số tiền 46.000.000^d (*bốn mươi sáu triệu đồng*); trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Kim O 01 sợi dây chuyền và 02 chiếc bông tai kim loại bằng vàng, theo các Quyết định xử lý vật chứng số 14 và 15 ngày 20/11/2019.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Thị L phải chịu 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện;
- CA huyện;
- THAHS; THADS;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
PHẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Minh Tân